

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25/01/2018

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH L

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hồng Điều.

2. Bà Nguyễn Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc –Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 606/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Thanh T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp 4, xã Mỹ Yên, huyện B, tỉnh L.

Bị đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp 4, xã Mỹ Yên, huyện B, tỉnh L.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/12/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Thanh T trình bày:

Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý nên vào năm 1995 bà và ông C đã xác lập quan hệ vợ chồng nhưng do bận công việc nên không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long Hiệp cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 23/5/2000.

Sau khi xác lập quan hệ hôn nhân, vợ chồng sống tại ấp 4, xã Mỹ Yên, huyện B, tỉnh L. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau đó

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân bà và ông C đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, bà và ông C có 01 con chung tên Lê Trương Vũ Kh, sinh ngày 05/5/2000. Hiện tại cháu Kh đang sống với bà. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai 03/01/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn C thống nhất lời trình bày của bà T về thời gian chung sống nhưng ông C xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bà Thuý có quan hệ với người đàn ông khác bên ngoài. Ông và bà T đã sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân ông cũng có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng là đã tha thứ cho bà T và mong hai vợ chồng chung sống trở lại nhưng bà T không đồng ý. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông còn thương vợ thương con nên trước yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T ông không đồng ý.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, ông và bà T có 01 con chung tên Lê Trương Vũ Kh, sinh ngày 05/5/2000. Hiện tại cháu Kh đang sống với bà T. Nếu Tòa án giải quyết cho ông và bà T ly hôn, ông đồng ý để cho bà T nuôi con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh L tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử cũng như các đương sự tham gia trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định.

+ Về nội dung: Vợ chồng bà T và ông C kết hôn năm 1995, có thời gian chung sống hạnh phúc trên mười năm. Sau đó bà T làm công việc buôn bán bên ngoài, ông C nghi ngờ bà T có quan hệ với người đàn ông khác nên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng có xảy ra xô xát và đã ly thân từ tháng 4/2017 đến nay, đồng thời ông C cũng không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình nên đời sống vợ chồng giữa bà T và ông C không thể tiếp tục. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T và giải quyết các vấn đề con chung, cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung như đương sự đã thống nhất.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: 01 bản sao chứng minh nhân dân và 01 sổ hộ khẩu; 01 bản sao giấy khai sinh của cháu K, 01 bản chính trích lục giấy đăng ký kết hôn; 01 bản tự khai của cháu Kh, 01 biên bản lấy lời khai của ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Trương Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn C. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh L thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà T, thấy rằng: Bà T và ông C có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long Hiệp, huyện B, tỉnh L cấp ngày 23/5/2000 nên quan hệ hôn nhân của bà Thuý và ông C là hợp pháp. Bà Thuý cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông C cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bà T có quan hệ với người đàn ông khác bên ngoài, ông đã bắt gặp tại nhà nghỉ nhưng ông C vẫn còn tình cảm với bà T nên không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa ông C cũng không đưa ra được lời lẽ thuyết phục bà T rút đơn khởi kiện để tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với ông C. Điều này thể hiện khả năng hàn gắn lại hạnh phúc gia đình giữa ông C và bà T không kết quả nên không thể ép buộc một người tiếp tục sống chung với một người khác không phù hợp với ý chí của họ. Từ đó thấy rằng, đời sống vợ chồng giữa ông C và bà T không thể tiếp tục chung sống và mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng. Mặt khác, ông C cũng thừa nhận vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2017 cho đến nay. Xét thấy mục đích hôn nhân của bà T và ông C không đạt được, đời sống vợ chồng giữa bà T và ông C không thể tiếp tục như nhận định của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3.2] Về nuôi con chung: Các đương sự đều thừa nhận trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Lê Trương Vũ Kh, sinh ngày 05/5/2000, hiện đang sống với bà T. Bà T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, ông C cũng đồng ý cho bà T được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, hiện cháu Kh đang sống với bà T, cuộc sống đã ổn định, cháu vẫn phát triển bình thường, khả năng bà T có thể chăm sóc con chung tốt. Hơn nữa tại bản tự khai ngày 05/01/2018 nguyện vọng của cháu Kh là được sống với bà T. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao cháu Kh cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.4] Về tài sản chung: Bà T và ông C thống nhất xác định không tranh chấp tài sản chung và hiện tại không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Bà T và ông C thống nhất xác định không có nợ chung và hiện tại không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Trương Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Thanh T được ly hôn với ông Lê Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Trương Vũ Kh, sinh ngày 05/5/2000 cho bà Trương Thị Thanh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Trương Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006075 ngày 29/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh L. Bà Thuý đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với đương sự có mặt tại phiên tòa và kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Hiệp, huyện B, tỉnh L;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh